TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2022/2026/DS-ST
Ngày: 04/8/2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Bà Hồ Thị Thu Hiền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 1282/2025/DSST ngày 26 tháng 5 năm 2025, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5995/2026/QĐXXST-DS ngày 06/7/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1

Trụ sở: H L, phường L, Quận Đ (nay là phường Đ), Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông (bà) Lê Viết Quý D, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Phước V, Nguyễn Thị Thùy T

Địa chỉ: Tầng G, số A L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin vắng mặt

Bị đơn: Ông Hồ Văn H1, sinh năm 1986

Địa chỉ: 8 P, khu phố E, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: ông Hồ Văn H1 có ký 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần V1 (*gọi tắt là V2*) bao gồm:

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ LN2301188199153 ngày 19/01/2023

số tiền vay là 75.000.000 đồng với mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 25%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn cố định đến ngày 01/7/2023. Sau đó lãi suất cho vay trong hạn điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần (+) biên độ 17%/năm.

Sau khi được giải ngân, khách hàng đã thanh toán một phần nợ gốc: 8.759.524 đồng, số tiền lãi 18.051.085 đồng, tổng cộng là 26.810.609 đồng. Dư nợ thực tế tính đến ngày 04/8/2026 theo hợp đồng cho vay trên: nợ gốc là 66.240.476 đồng; nợ lãi là 66.814.511 đồng; Tổng cộng là 133.054.987 đồng.

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ (325-P-2065622), giải ngân ngày 24/6/2022 số tiền vay là 121.000.000 đồng với mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, lãi suất là 35.88%/năm.

Sau khi được giải ngân, tổng số tiền mà khách hàng đã sử dụng là 1.190.842.845 đồng, số tiền đã trả là 1.084.904.144 đồng. Trong đó khách hàng đã trả gốc là 1.070.851.949 đồng, số tiền lãi đã trả 10.448.609 đồng, phí đã trả là 3.603.586 đồng. Dư nợ thực tế tạm tính đến ngày 04/8/2026 theo hợp đồng cho vay trên: nợ gốc là 119.990.896 đồng; nợ lãi là 247.789.876 đồng; Tổng cộng là 367.780.772 đồng.

Từ ngày 13/01/2024, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho V2. Mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện cho bị đơn về thời gian thanh toán nhưng vẫn không có phương án trả dứt khoản nợ cho V2. Xét thấy, bị đơn không còn khả năng thanh toán nợ, do đó V2 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với hợp đồng cho vay trên, đồng thời tiến hành khởi kiện đối với khách hàng.

V2 khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 04/8/2026 là 500.835.759 đồng, bao gồm tổng nợ gốc 186.231.372 đồng, nợ lãi 314.604.387 đồng. Ngoài ra bị đơn còn phải tiếp tục chịu nợ lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng từ 05/8/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn trong suốt quá trình chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa

vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hợp đồng tín dụng, bị đơn cư trú trên địa bàn phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét về hình thức Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ LN2301188199153 ngày 19/01/2023 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ (325-P-2065622), giải ngân ngày 24/6/2022 giữa hai bên được lập bằng văn bản và xác lập hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với quy định của pháp luật.

Theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản đảm bảo, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ, khách hàng được cấp tín dụng với số tiền là 75.000.000 đồng với mục đích phục vụ nhu cầu đời sống, lãi suất là 25%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn cố định đến ngày 01/7/2023. Sau đó lãi suất cho vay trong hạn điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần (+) biên độ 17%/năm. Và theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ (325-P-2065622), giải ngân ngày 24/6/2022 khách hàng được cấp tín dụng số tiền 121.000.000 đồng với mục đích phục vụ nhu cầu đời sống và lãi suất áp dụng là 35.88%/năm.

Sau khi được cấp các thẻ tín dụng, khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 04/8/2026 là 500.835.759 đồng, tổng dư nợ gốc: 186.231.372 đồng, nợ lãi là 314.604.387 đồng.

Tại phiên tòa, ngoài các chứng cứ V2 nộp cho Tòa án, bị đơn không nộp bất cứ chứng cứ nào cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn

nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ trên.

Bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 05/8/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ LN2301188199153 ngày 19/01/2023 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ (325-P-2065622), giải ngân ngày 24/6/2022 – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng.

Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vốn và lãi nên khách hàng phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vốn và lãi quá hạn. Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 05/8/2026 cho đến khi tất toán xong khoản nợ vay. Lãi suất tiêu dùng áp dụng đối với Hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 357, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V1 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với ông Hồ Văn H1.

Buộc ông Hồ Văn H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V1 số tiền tính đến ngày 04/8/2026 là 500.835.759 đồng (bao gồm: tổng dư nợ gốc: 186.231.372 đồng; nợ lãi: 314.604.387 đồng).

Kể từ ngày 05/8/2026, ông Hồ Văn H1 còn phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V1 tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 24.033.430 đồng buộc ông Hồ Văn H1 chịu.

Ngân hàng thương mại cổ phần V1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí 7.335.894 đồng, theo biên lai số 0000100 ngày 23/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP . HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – TP . HCM;
- Phòng THADS khu vực 2 – TP . HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng